***File giáo án Công nghệ 12 - Lâm nghiệp - Thủy sản - Kết nối tri thức***

***(Phần 1 + 2 – Đầy đủ kì 1)***

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# **CHƯƠNG VI: CÔNG NGHỆ GIỐNG THỦY SẢN**

## **BÀI 13: VAI TRÒ CỦA GIỐNG THỦY SẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Trình bày được vai trò của giống trong nuôi thủy sản.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* *Năng lực tìm hiểu công nghệ:* Lựa chọn được các nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu về vai trò của giống trong nuôi thủy sản.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* HS chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.
* *Trung thực:* HS thật thà, ngay thẳng trong việc đánh giá và tự đánh giá; HS mạnh dạn nói lên ý tưởng, suy nghĩ của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản – Kết nối tri thức với cuộc sống.*
* Phiếu bài tập cho HS.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).
* Hình ảnh một số giống thủy sản giá trị hoặc phổ biến ở Việt Nam: rong nho, tảo lục, tôm hùm, ba ba, cá sấu, ốc, cá hồi, một số loài cá cảnh,….
* Tư liệu về sự sinh trưởng của một số giống thủy sản:
* Cá mè trắng nuôi ở điều kiện đầy đủ thức ăn: 1 năm tuổi nặng từ 0,5 đến 0,9 kg, 2 năm tuổi nặng từ 1,5 đến 1,9 kg, 3 năm tuổi nặng từ 2 đến 4 kg.
* Cá trắm cỏ nuôi ở điều kiện đầy đủ thức ăn: 1 năm đạt từ 0,7 đến 1,5 kg, trung bình đạt 1 kg/con; nuôi 2 năm đạt từ 2 đến 3 kg/con.
* Cá chép nuôi sau 1 năm có thể đạt từ 0,3 đến 0,5 kg/con, cá 2 tuổi nặng từ 0,7 đến 1 kg/con, cá 3 tuổi nặng từ 1 đến 1,5 kg/con.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản – Kết nối tri thức với cuộc sống.*
* Tìm hiểu trước thông tin phục vụ cho bài học qua SGK *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản* và internet.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS tái hiện những kiến thức, kinh nghiệm đã có về vai trò của giống vật nuôi nói chung, đồng thời gợi mở những vấn đề mới về vai trò của giống trong nuôi thủy sản nhằm kích thích HS mong muốn tìm hiểu bài học mới.

**b. Nội dung:** HS quan sát hình và thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về vai trò của giống trong nuôi thủy sản.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A close-up of a fish  Description automatically generated | A fish lying on the ground  Description automatically generated | A person holding a large fish  Description automatically generated |
| Cá mè trắng | Cá trắm cỏ | Cá chép |

- GV cung cấp thông tin về tốc độ sinh trưởng của các loài cá trong hình:

* *Cá mè trắng nuôi ở điều kiện đầy đủ thức ăn: 1 năm tuổi nặng từ 0,5 đến 0,9 kg, 2 năm tuổi nặng từ 1,5 đến 1,9 kg, 3 năm tuổi nặng từ 2 đến 4 kg.*
* *Cá trắm cỏ nuôi ở điều kiện đầy đủ thức ăn: 1 năm đạt từ 0,7 đến 1,5 kg, trung bình đạt 1 kg/con; nuôi 2 năm đạt từ 2 đến 3 kg/con.*
* *Cá chép nuôi sau 1 năm có thể đạt từ 0,3 đến 0,5 kg/con, cá 2 tuổi nặng từ 0,7 đến 1 kg/con, cá 3 tuổi nặng từ 1 đến 1,5 kg/con.*

- GV nêu câu hỏi: *Tốc độ sinh trưởng của các loài cá trên chịu ảnh hưởng rất nhiều từ giống thủy sản. Theo em, giống thủy sản có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình, thực hiện yêu cầu của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời:

*+ Vai trò của giống trong nuôi thủy sản:*

* *Quyết định năng suất nuôi thủy sản.*
* *Quy định chất lượng sản phẩm thủy sản.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV chưa chốt đúng sai mà dẫn dắt HS vào bài học: *Để biết được câu trả lời của các bạn là đúng hay sai cũng như tìm hiểu về các đặc điểm chung của các cá thể của cùng một giống, chúng ta cùng nghiên cứu bài học ngày hôm nay –* ***Bài 13: Vai trò của giống thủy sản.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm giống thủy sản**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm về giống thủy sản.

**b. Nội dung:** HS làm việc nhóm, khai thác thông tin mục I SGK tr.67, hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về khái niệm về giống thủy sản.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 13.2*.*    - GV yêu cầu HS nghiên cứu mục I trong SGK, kết hợp quan sát Hình 13.2, trả lời câu hỏi: *Kể tên một số giống thủy sản. Các giống thủy sản được sử dụng với mục đích gì?*  - GV nêu câu hỏi mở rộng: *Nêu một số nguyên liệu thường được dùng để sản xuất giống thủy sản.*  - GV giới thiệu các hình ảnh về con giống khác.   |  |  | | --- | --- | | săn” cua biển giống, “đút túi” tiền triệu | Kỹ thuật nuôi ốc bươu sinh sản và ương ốc giống | | Cua giống | Ốc giống |   - GV tổ chức cho HS xem [video](https://youtu.be/L9dP5DaeIrQ) về giống thủy sản.  - GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong video kết hợp với nội dung trong SGK, trả lời câu hỏi: *Giống thủy sản trước khi đưa ra thị trường cần đáp ứng những yêu cầu nào? Tại sao giống cần được kiểm dịch trước khi lưu thông trên thị trường?*  - GV yêu cầu HS liên hệ thực tiễn, cho biết: *Nêu ví dụ về loài thủy sản không được phép kinh doanh tại Việt Nam.*  **Bước 2: HS tiếp nhận nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu mục I, xem video để trả lời câu hỏi của GV.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời.  ***\* Trả lời câu hỏi của GV:***  *+ Giống thủy sản: tôm giống, cá giống, rong nho, cá sấu con,…*  *+ Các giống thủy sản được sử dụng để sản xuất giống, làm giống,…*  *+ Nguyên liệu sản xuất giống: bố mẹ, trứng, tinh trùng, phôi, mảnh cơ thể, bào tử,…*  *+ Yêu cầu cần đạt của giống thủy sản khi đưa ra thị trường (DKSP).*  *+ Giống cần được kiểm dịch trước khi đưa ra thị trường để hạn chế dịch bệnh, đảm bảo chất lượng con giống.*  *+ Một số loài thủy sản không được kinh doanh ở Việt Nam: cá cháy, cá chình mun, cá còm, cá anh vũ, cá tra dầu, cá cóc Tam Đảo,…*  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung đáp án (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về khái niệm giống thủy sản và điều kiện của giống thủy sản khi lưu thông trên thị trường.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **I. Giống thủy sản**  - Giống thủy sản là loài động vật thủy sản, rong, tảo dùng để sản xuất giống, làm giống cho nuôi trồng thủy sản, bao gồm: bố mẹ, trứng, tinh, phôi, ấu trùng, mảnh cơ thể, bào tử, con giống.  - Các cá thể của cùng một giống thường có ngoại hình, thể chất, sức sinh sản, tính năng sản xuất tương đối giống nhau.  - Con giống thủy sản trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu:  + Thuộc danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.  + Được công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định.  + Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng.  + Được kiểm dịch theo quy định của pháp luật. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của giống trong nuôi thủy sản**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận thức được vai trò của giống trong nuôi thủy sản.

**b. Nội dung:** HS nghiên cứu mục II trong SGK tr.68 để hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về vai trò của giống trong nuôi thủy sản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đưa thông tin về sự sinh trưởng của một số giống thủy sản (ví dụ mục II.1 SGK trang 68)*.*  - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin mục II trong SGK, kết hợp thông tin trong Bảng 13.1, trả lời câu hỏi: *Nêu vai trò của giống trong nuôi thủy sản.*  - GV tổ chức cho HS liên hệ thực tiễn thông qua trả lời câu hỏi mục Kết nối: *Tìm hiểu về năng suất của một số loài thủy sản phổ biến ở địa phương em.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời: *Vì sao giống lại có vai trò quyết định năng suất và chất lượng thủy sản?*  - GV cho HS trả lời câu hỏi mục Kết nối: *Sử dụng internet, sách, báo,… tìm hiểu chất lượng của một số loài thủy sản phổ biến.*  **Bước 2: HS tiếp nhận nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu mục II, suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời.  ***\* Trả lời câu hỏi của GV:*** *Vai trò của giống thủy sản (DKSP).*  ***\* Trả lời câu hỏi mục Kết nối:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Thủy sản*** | ***Năng suất trung bình*** | ***Năng suất cao*** | | *Tôm sú* | *3-5 tấn/ha/năm* | *8-10 tấn/ha/năm* | | *Cua biển* | *1-2 tấn/ha/năm* | *4-5 tấn/ha/năm* | | *Cá basa* | *100-120 tấn/ha/năm* | *150-200 tấn/ha/năm* |   ***\* Trả lời câu hỏi của GV:*** *Chất lượng giống là một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả nuôi trồng vì:*  *+ Giống tốt sẽ cho con nuôi khỏe mạnh, ít bị dịch bệnh, phát triển nhanh và đạt năng suất cao.*  *+ Nuôi con giống tốt giúp người nuôi thu được sản phẩm có giá trị cao, mang lại lợi nhuận cao hơn.*  *+ Chất lượng giống sẽ ảnh hưởng đến sự thành công của hoạt động nuôi trồng.*  ***\* Trả lời câu hỏi mục Kết nối:***   |  |  | | --- | --- | | ***Thủy sản*** | ***Chất lượng*** | | *Cá hồi* | *- Giá trị dinh dưỡng: Cá hồi giàu protein, omega-3, vitamin B12, vitamin D,... tốt cho sức khỏe tim mạch, trí não và thị lực.*  *- Độ an toàn: Cá hồi được nuôi theo quy trình an toàn, ít sử dụng thuốc kháng sinh.*  *- Mùi vị: Thịt cá hồi thơm ngon, béo ngậy.*  *- Hình thức: Cá hồi thường được bán dưới dạng phi lê hoặc nguyên con, tươi hoặc đông lạnh.* | | *Tôm sú* | *- Giá trị dinh dưỡng: Tôm sú giàu protein, vitamin B12, selen,... tốt cho sức khỏe tim mạch, hệ miễn dịch và chức năng sinh sản.*  *- Độ an toàn: Tôm sú được nuôi theo quy trình an toàn*  *- Mùi vị: Thịt tôm sú ngọt, dai ngon.*  *- Hình thức: Tôm sú thường được bán dưới dạng tươi hoặc đông lạnh.* |   - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về vai trò của giống trong nuôi thủy sản.  - GV chuyển sang nội dung luyện tập. | **II. Vai trò của giống trong nuôi thủy sản**  - Quyết định năng suất nuôi thủy sản.  - Quy định chất lượng sản phẩm thủy sản. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố, khắc sâu nội dung liên quan đến vai trò của giống thủy sản đã học.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung đã học.

**c. Sản phẩm:** Đáp án của HS về các câu hỏi liên quan đến vai trò của giống thủy sản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết về *Vai trò của giống thủy sản.*

- GV phát Phiếu bài tập cho HS cả lớp thực hiện trong thời gian 10 phút:

|  |
| --- |
| **Trường THPT:………………………………………….**  **Lớp:……………………………………………………..**  **Họ và tên:……………………………………………….**  **PHIẾU BÀI TẬP CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP – THUỶ SẢN 12**  **– KẾT NỐI TRI THỨC**  **BÀI 13: VAI TRÒ CỦA GIỐNG THỦY SẢN**  Kinh nghiệm chọn tôm giống - Báo Nam Định điện tử  **PHẦN I : Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**  *Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:*  **Câu 1:** Trong nuôi thủy sản, các cá thể thuộc cùng một giống thường có thể khác nhau về đặc điểm nào sau đây?  A. Ngoại hình.  B. Tính năng sản xuất.  C. Giới tính.  D. Thể chất.  **Câu 2:** Loại giống thủy sản nào sau đây có thể được tạo ra từ bào tử?  A. Cá.  B. Hàu.  C. Tôm.  D. Tảo.  **Câu 3:** Loại giống thủy sản nào sau đây có thể được tạo ra từ ấu trùng?  A. Cá.  B. Ba ba.  C. Tôm.  D. Tảo.  **Câu 4:** Loại thủy sản nào sau đây giàu protein nhất?  A. Cá chép.  B. Cá rô phi.  C. Cá ngừ.  D. Cua.  **Câu 5:** Để được lưu thông trên thị trường, con giống thuỷ sản phải đáp ứng các yêu cầu nào sau đây?  A. Thuộc danh mục thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.  B. Mang giá trị dinh dưỡng cao.  C. Mang giá trị kinh tế cao.  D. Không phá huỷ hệ sinh thái bản địa.  **PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai**  *Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai*  **Câu 1:** Cho các phát biểu về giống thủy sản sau:  A. Giống thủy sản bao gồm cả các loài động vật thủy sản và các loài rong, tảo.  B. Giống thủy sản dùng để làm giống cho nuôi trồng thủy sản mà không dùng để nhân giống.  C. Tất cả các loài giống thủy sản có chất lượng phù hợp, đã được kiểm dịch đều được phép lưu thông trên thị trường.  D. Trong cùng một điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế như nhau. |

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

*Phần 1 :*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **C** | **C** | **A** |

*Phần 2 :*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | **Đ** | **S** | **S** | **S** |

- GV chuyển sang nội dung mới.

***Nhiệm vụ 2. Trả lời câu hỏi trong SGK.***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi: *Trình bày vai trò của giống trong nuôi thủy sản. Liên hệ với thực tiễn nuôi trồng thủy sản ở địa phương em.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thêm thông tin trên sách, báo, internet và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời:

*- Vai trò của giống trong nuôi thủy sản:*

*+ Quyết định năng suất nuôi thủy sản.*

*+ Quy định chất lượng sản phẩm thủy sản.*

*- Liên hệ thực tiễn nuôi trồng thủy sản ở địa phương em:*

*+ Địa phương em chú trọng vào việc sử dụng con giống tốt, có nguồn gốc rõ ràng.*

*+ Sử dụng một số mô hình nuôi tiên tiến như: nuôi tôm sú siêu thâm canh, nuôi cá lóc biofloc.*

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung vận dụng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở gia đình, địa phương để đề xuất giống thủy sản phù hợp.

**b. Nội dung:** HS hoàn thành mục Vận dụng SGK tr.68.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời mục Vận dụng SGK tr.68 về giống thủy sản phù hợp với điều kiện của địa phương.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: *Đề xuất giống thủy sản phù hợp với thực tiễn ở địa phương em.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thêm thông tin để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.

- Làm bài tập Bài 13 – SBT *Công nghệ Lâm nghiệp – Thủy sản 12.*

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 14 – Sinh sản của cá và tôm.*